

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THANH MIỆN  
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 01/2020/QĐST-HNGĐ  
“V/v yêu cầu hủy Giấy chứng nhận  
kết hôn trái pháp luật và công nhận  
quan hệ hôn nhân”

Thanh Miện, ngày 12 tháng 6 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH  
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ**

**V/v yêu cầu hủy Giấy chứng nhận kết hôn và công nhận quan hệ hôn nhân**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH MIỆN, TỈNH HẢI DƯƠNG**

**Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp:** Ông **Bùi Xuân Thành**.

**Thư ký phiên họp:** Ông **Đào Quang Khuyến** - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương tham gia phiên họp:** Bà **Lê Thị Thủy** - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương tiến hành mở phiên họp công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 02/2020/TLST-VDS, ngày 26 tháng 5 năm 2020 về việc “Yêu cầu hủy Giấy chứng nhận kết hôn trái pháp luật và công nhận quan hệ hôn nhân” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 01/2020/QĐST-VDS ngày 29 tháng 5 năm 2019, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

**\* Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:**

- Ủy ban nhân dân xã T, huyện TM, đại diện theo pháp luật là ông **Vũ Đình N** - Chủ tịch UBND xã T, huyện TM, tỉnh H.

- Anh **Nguyễn Thế H**, sinh ngày 10/10/1973.

- Chị **Nguyễn Thị L**, sinh ngày 22/02/1980;

HKTT: thôn T, xã TG, huyện TM, tỉnh H.

*Chị L có mặt; ông N, anh H có đơn xin giải quyết vắng mặt.*

**NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:**

UBND xã TG, huyện TM, tỉnh H có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện hủy Giấy chứng nhận kết hôn trái pháp luật số 36/1996 ngày 30 tháng 9 năm 1996 của UBND xã TG, huyện TM vì xác định: Trong giấy chứng nhận kết hôn ghi anh **Nguyễn Thế H**, sinh năm 1973 kết hôn với chị **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1978 không đúng với ngày, tháng, năm sinh của chị L được thể hiện trong giấy khai sinh, sổ hộ khẩu gia đình, giấy chứng minh nhân dân ghi chị L sinh ngày 22/02/1980. Như vậy tại thời điểm đăng ký kết hôn ngày 30/9/1996 chị L được 16 tuổi 07 tháng 08 ngày chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn. Theo Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986 “Nam từ 20 tuổi trở lên, nữ từ 18 tuổi trở lên mới được kết hôn”. Để đủ tuổi đăng ký kết hôn chị L khai sinh năm 1978 là không đúng với ngày, tháng,

năm sinh thực tế của chị L, nguyên nhân ghi năm sinh 1978 của chị L do sơ suất của cán bộ làm thủ tục đăng ký kết hôn chỉ căn cứ vào tờ khai của anh H, chị L mà không yêu cầu chị xuất trình chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu gia đình để kiểm tra, đối chiếu cho chính xác dẫn đến việc đăng ký kết hôn trái pháp luật. Phát hiện việc đăng ký kết hôn và đã cấp giấy chứng nhận kết hôn cho anh H, chị L là trái pháp luật, đại diện UBND xã TG là ông Vũ Đình N, Chủ tịch UBND xã có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện hủy Giấy chứng nhận kết hôn số 36/1996 ngày 30/9/1996 của UBND xã TG, huyện TM, tỉnh H đã cấp cho anh H, chị L.

Anh H, chị L khi biết UBND xã TG, huyện TM có đơn yêu cầu hủy Giấy chứng nhận kết hôn trái pháp luật của UBND xã TG cấp cho anh chị, anh chị cũng xác định việc kết hôn giữa anh và chị, thời điểm đăng ký kết hôn chị L chưa đủ tuổi là vi phạm điều kiện kết hôn về độ tuổi, anh chị đồng ý với yêu cầu của UBND xã TG và không có ý kiến gì. Việc ghi chị L sinh năm 1978 là do chị khai với cán bộ tư pháp để được đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống vợ chồng sinh được hai con chung là Nguyễn Thị Hồng N, sinh ngày 07/11/2002 và Nguyễn Thế H1, sinh ngày 20/8/2008. Năm sinh của anh H trong giấy khai sinh của cháu N ghi nhầm năm sinh 1977 là không đúng năm sinh của anh, gây khó khăn cho việc học hành và xin việc làm của các cháu. Hiện tại anh chị chung sống hạnh phúc, có hai con chung, tài sản chung chỉ vì năm sinh của chị L ghi trong giấy chứng nhận kết hôn và năm sinh của anh H ghi trong giấy khai sinh của các cháu không khớp nhau dẫn đến cuộc sống của anh chị và các cháu bị ảnh hưởng vì vậy anh chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện công nhận quan hệ hôn nhân cho anh chị kể từ thời điểm chị L đủ tuổi kết hôn theo quy định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện tham gia phiên họp phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc dân sự: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp và Thư ký phiên họp, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ việc dân sự cho đến trước thời điểm Thẩm phán ra quyết định giải quyết việc dân sự là đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện áp dụng: Điều 5; Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986; Khoản 6 Điều 3, điều 8, 10, 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 149, 370, 371 Bộ luật tố tụng dân sự; Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân Tối Cao, Viện Kiểm sát nhân dân Tối Cao, Bộ Tư Pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

+ Chấp nhận đơn yêu cầu của UBND xã TG, huyện TM, tỉnh H: hủy Giấy chứng nhận kết hôn số 30/1996 ngày 30 tháng 9 năm 1996 của UBND xã TG, huyện TM đã cấp cho anh [Nguyễn Thế H](#) và chị [Nguyễn Thị L](#).

+ Chấp nhận đơn yêu cầu của anh H, chị L: Công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh [Nguyễn Thế H](#), sinh ngày [10/10/1973](#) và chị [Nguyễn Thị L](#), sinh ngày

22/02/1980 kể từ thời điểm chị L đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật ngày 22/02/1998.

- Về lệ phí: UBND xã TG, huyện TM, tỉnh H không phải chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự;

Anh H, chị L phải chịu 300.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; Ý kiến của người yêu cầu và đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương nhận định:

[1] *Về Tố tụng và Thẩm quyền giải quyết:* Anh Nguyễn Thế H và chị Nguyễn Thị L đều có hộ khẩu thường trú: thôn T, xã TG, huyện TM, tỉnh H. UBND xã TG, huyện TM, tỉnh H là nơi cấp Giấy chứng nhận kết hôn trái pháp luật cho anh H, chị L vì vậy UBND xã TG, huyện TM có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện hủy giấy chứng nhận kết hôn số 30/1996 ngày 30 tháng 9 năm 1996 đã cấp cho anh H, chị L. Anh H, chị L có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện công nhận quan hệ hôn nhân của anh chị kể từ thời điểm chị L đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật. Căn cứ theo Điều 10, Điều 11 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 29, điểm b khoản 2 điều 35, điểm g khoản 2 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự việc Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện thụ lý việc dân sự là đúng thẩm quyền.

[2] *Về nội dung:* Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ như sổ hộ khẩu, giấy khai sinh, giấy chứng minh nhân dân đã có đủ căn cứ chứng minh anh Nguyễn Thế H, sinh ngày 10/10/1973 (đủ tuổi kết hôn), chị Nguyễn Thị L, sinh ngày 22/02/1980, thời điểm đăng ký kết hôn chị L được 16 tuổi 07 tháng 08 ngày (chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn), do vậy chị L đã khai sinh năm 1978 để đủ tuổi đăng ký kết hôn. Do sơ suất trong việc kiểm tra lý lịch như giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu gia đình của anh H, chị L, UBND xã TG đã đăng ký kết hôn cho anh H, chị L, tại giấy chứng nhận kết hôn số 30/1996 ngày 30 tháng 9 năm 1996, ghi họ tên vợ Nguyễn Thị L, sinh năm 1978 không đúng với năm sinh thực của chị L là năm 1980. Việc kết hôn đó đã vi phạm vào Điều 5 Luật hôn nhân gia đình năm 1986.

Theo Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986, tại Điều 5 quy định: “*Nam từ 20 tuổi trở lên, nữ từ 18 tuổi trở lên mới được kết hôn*”. Như vậy có đủ căn cứ xác định tại thời điểm đăng ký kết hôn ngày 30/9/1996 chị L chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn, việc UBND xã TG đã đăng ký kết hôn cho anh H, chị L là trái với quy định của pháp luật. Do vậy UBND xã TG, huyện TM có đơn yêu cầu Tòa án Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện hủy Giấy chứng nhận kết hôn trái pháp luật là có căn cứ chấp nhận theo Điều 5, 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986; Khoản 6 Điều 3, Điều 8, 10, 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tại thời điểm yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật, anh H, chị L đều xác định anh chị đã có đủ điều kiện kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc và có với nhau 02 con chung, tài sản chung nhưng vì tháng, năm sinh của chị L không khớp nhau nên đã ảnh hưởng đến cuộc sống của anh, chị và các con anh, chị. Anh H, chị L đều thống nhất đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện công nhận quan hệ hôn nhân cho anh chị kể từ thời điểm chị L đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật. Yêu cầu công nhận hôn nhân là hoàn toàn tự nguyện và hợp pháp theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; điểm a, b khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư Pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

Về con chung, tài sản chung, anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh H sinh ngày 10/10/1973 nhưng trong giấy khai sinh của cháu Nguyễn Thị Hồng N ghi anh sinh năm 1977 là không đúng năm sinh, anh đã có đơn đề nghị và được UBND xã TG xác nhận là của cùng một người.

[3] Về lệ phí giải quyết việc dân sự:

- UBND xã TG, huyện TM, tỉnh H không phải chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự;

- Anh Nguyễn Thế H và chị Nguyễn Thị L có đơn yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự theo quy định của pháp luật.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 5, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986; khoản 6 điều 3, Điều 8, 10, 11, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a, b khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Toà án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 149, 370, 371 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Chấp nhận đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự của Ủy ban nhân dân xã T G, huyện TM, tỉnh H: Hủy Giấy chứng nhận kết hôn số 30/1996 ngày 30/9/1996 của UBND xã TG đã cấp cho anh Nguyễn Thế H và chị Nguyễn Thị L.

2. Chấp nhận đơn yêu cầu của anh H, chị L: Công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Thế H, sinh ngày 10/10/1973 và chị Nguyễn Thị L, sinh ngày 22/02/1980 đều trú tại thôn T, xã TG, huyện TM, tỉnh H kể từ thời điểm chị L đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật là ngày 22/02/1998.

Anh Nguyễn Thế H và chị Nguyễn Thị L có trách nhiệm đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

3. Về lệ phí: UBND xã TG, huyện TM, tỉnh H không phải chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự;

Anh Nguyễn Thế H và chị Nguyễn Thị L phải nộp số tiền lệ phí giải quyết việc dân sự là 300.000 đồng, được đối trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai số: AA/2018/0002173 ngày 26 tháng 5 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương.

4. Quyền kháng cáo: Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đồng thời là người yêu cầu, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp có quyền kháng cáo, kháng nghị trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày ra quyết định; Người yêu cầu vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận quyết định hoặc niêm yết. Viện kiểm sát nhân dân cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong hạn 15 ngày kể từ ngày ra Quyết định.

**THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN HỢP**  
**Đã ký**

***Nơi nhận:***

- VKSND huyện Thanh Miện;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- UBND xã TG;
- Chi Cục THADS huyện Thanh Miện;
- Những người yêu cầu;
- Lưu Hồ sơ.

**Bùi Xuân Thành**